

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 108/TTr-STP ngày 10/10/2023 và Tờ trình số 118/TTr-STP ngày 10/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng (*sau đây gọi chung là hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp*) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn để thực hiện chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp theo quy định tại khoản 17 Điều 3, điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; điểm b khoản 4 Điều 1 Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; khoản 4, 5 Điều 2 Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ;

b) Các cơ quan, đơn vị được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao kiểm tra, đánh giá các hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính;

c) Cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm a, b khoản này.

3. Quyết định này không áp dụng đối với các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Thẩm quyền xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

1. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp các huyện, thành phố có thẩm quyền xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trong quá trình thực hiện kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao kiểm tra, đánh giá, rà soát các hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính có thẩm quyền xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trong quá trình thực hiện kiểm tra, đánh giá, rà soát hồ sơ; đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, việc xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định.

Điều 3. Cách thức xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

Hồ sơ vụ việc xử lý vi phạm hành chính được xác định là có nội dung phức tạp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Hồ sơ vụ việc có nhiều hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

2. Hồ sơ vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến người có thẩm quyền để xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

3. Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

4. Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

5. Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp người vi phạm lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính; Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính theo quy định tại điểm e, g khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

6. Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp phải kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

7. Hồ sơ vụ việc phải cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo khoản 1 Điều 28, Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

8. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính liên quan trực tiếp đến quyền con người: Tạm giữ người theo thủ tục hành chính, khám người theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 122 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 127 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

9. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có khiếu nại, khởi kiện đã được thụ lý, giải quyết.

10. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có một trong các hành vi bị nghiêm cấm: Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính; không xử phạt vi phạm hành chính; không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính; xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng

theo quy định pháp luật; xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 4, 5, 6 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

11. Hồ sơ vụ việc vi phạm có đối tượng vi phạm hành chính là cá nhân, tổ chức nước ngoài.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán được giao hàng năm để thực hiện chi kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC, Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND, Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND, Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục QLXLVPHC và TDTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, ĐV;
- Lưu: VT, NC(TT-Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền